

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ**

**THÔNG CÁO BÁO CHÍ**

**TUYỂN SINH 2024:**

**TRƯỜNG ĐHQT SỬ DỤNG 7 PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN**

***TP.HCM, 01-3-2024 – Sáng nay, Hội đồng tuyển sinh trường Đại học Quốc Tế (ĐHQG-HCM) đã đưa ra dự kiến các phương thức tuyển sinh và cách thức thi tuyển năm 2024 của nhà trường. Theo đó, năm 2024, trường ĐHQT quyết định dùng 07 phương thức xét tuyển khác nhau.***

Năm 2024, Trường ĐH Quốc tế (ĐH Quốc gia TP.HCM) tuyển 23 ngành đào tạo đại học chính quy (học 4 năm tại Việt Nam do Trường ĐH Quốc tế cấp bằng) và 20 chương trình đào tạo liên kết do trường đại học đối tác nước ngoài (Hoa Kỳ, Anh, Úc, New Zealand) cấp bằng.

Tổng chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến năm 2024 của trường là 2.610 sinh viên, trong đó các ngành do nhà trường cấp bằng với 1.970 chỉ tiêu và chương trình liên kết với 640 chỉ tiêu. Chỉ tiêu tuyển sinh và tổ hợp môn xét tuyển (dự kiến) theo từng ngành cụ thể như sau:

Mã trường: QSQ

| **STT** | **Mã ngành đào tạo** | **Ngành học** | **Tổ hợp môn** **xét tuyển** | **Chỉ tiêu (dự kiến)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC DO TRƯỜNG ĐẠI HỌC (ĐH) QUỐC TẾ CẤP BẰNG** | **1970** |
| 1 | 7340101 | Quản trị Kinh doanh | A00; A01; D01; D07 | 320 |
| 2 | 7340201 | Tài chính – Ngân hàng | A00; A01; D01; D07 | 200 |
| 3 | 7340301 | Kế toán | A00; A01; D01; D07 | 60 |
| 4 | 7310101 | Kinh tế (Phân tích dữ liệu trong kinh tế) | A00; A01; D01; D07 | 60 |
| 5 | 7220201 | Ngôn ngữ Anh | D01, D09, D14, D15 | 100 |
| 6 | 7480201 | Công nghệ Thông tin | A00; A01 | 50 |
| 7 | 7460108 | Khoa học Dữ liệu | A00; A01 | 50 |
| 8 | 7480101 | Khoa học Máy tính | A00; A01 | 50 |
| 9 | 7420201 | Công nghệ Sinh học | A00; B00; B08; D07 | 140 |
| 10 | 7540101 | Công nghệ Thực phẩm | A00; A01; B00; D07 | 80 |
| 11 | 7440112 | Hóa học (Hóa sinh) | A00; B00; B08; D07 | 60 |
| 12 | 7520301 | Kỹ thuật Hóa học | A00; A01; B00; D07 | 70 |
| 13 | 7520118 | Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp | A00; A01; D01 | 70 |
| 14 | 7510605 | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | A00; A01; D01 | 160 |
| 15 | 7520207 | Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông | A00; A01; B00; D01 | 50 |
| 16 | 7520216 | Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa | A00; A01; B00; D01 | 90 |
| 17 | 7520212 | Kỹ thuật Y Sinh | A01; B00; B08; D07 | 100 |
| 18 | 7580201 | Kỹ thuật Xây dựng | A00; A01; D07 | 30 |
| 19 | 7580302 | Quản lý Xây dựng | A00; A01; D01; D07 | 40 |
| 20 | 7520121 | Kỹ thuật Không gian (Phân tích và ứng dụng dữ liệu lớn) | A00; A01; A02; D01 | 30 |
| 21 | 7460112 | Toán ứng dụng (Kỹ thuật Tài chính và Quản trị rủi ro) | A00; A01 | 70 |
| 22 | 7460201 | Thống kê (Thống kê ứng dụng) | A00, A01 | 40 |
| 23 | 7340115 | Marketing (dự kiến) | A00; A01; D01; D07 | 50 |
| **II** | **CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO LIÊN KẾT (LK) VỚI ĐH NƯỚC NGOÀI** | **640** |
| 1 | 7220201\_WE2 | Ngôn ngữ Anh (LK với ĐH West of England) (2+2) | D01, D09, D14, D15 | 20 |
| 2 | 7220201\_WE3 | Ngôn ngữ Anh (LK với ĐH West of England) (3+1) | D01, D09, D14, D15 | 10 |
| 3 | 7220201\_WE4 | Ngôn ngữ Anh (LK với ĐH West of England) (4+0) | D01, D09, D14, D15 | 90 |
| 4 | 7340101\_AU | Quản trị kinh doanh (LK với ĐH Công nghệ Auckland) (1+2/1.5+1.5) | A00; A01; D01; D07 | 20 |
| 5 | 7340101\_LU | Quản trị kinh doanh (LK với ĐH Lakehead) (2+2) | A00; A01; D01; D07 | 20 |
| 6 | 7340101\_NS | Quản trị kinh doanh (LK với ĐH New South Wales) (2+2) | A00; A01; D01; D07 | 40 |
| 7 | 7340101\_SY | Quản trị kinh doanh (LK với ĐH Sydney) (2+2) | A00; A01; D01; D07 | 30 |
| 8 | 7340101\_UH | Quản trị kinh doanh (LK với ĐH Houston) (2+2) | A00; A01; D01; D07 | 50 |
| 9 | 7340101\_WE | Quản trị kinh doanh (LK với ĐH West of England) (2+2) | A00; A01; D01; D07 | 20 |
| 10 | 7340101\_WE4 | Quản trị kinh doanh (LK với ĐH West of England) (4+0) | A00; A01; D01; D07 | 160 |
| 11 | 7340101\_AND | Quản trị Kinh doanh (LK với ĐH Andrews - USA) (4+0) | A00; A01; D01; D07 | 40 |
| 12 | 7420201\_WE2 | Công nghệ sinh học (LK với ĐH West of England) (2+2) | A00; B00; B08; D07 | 20 |
| 13 | 7420201\_WE4 | Công nghệ sinh học định hướng Y Sinh (LK với ĐH West of England) (4+0) | A00; B00; B08; D07 | 40 |
| 14 | 7480101\_WE2 | Khoa học máy tính (LK với ĐH West of England) (2+2) | A00; A01 | 10 |
| 15 | 7480201\_SB | Công nghệ thông tin (LK với ĐH SUNY Binghamton) (2+2) | A00; A01 | 10 |
| 16 | 7480201\_WE4 | Công nghệ thông tin (LK với ĐH West of England) (4+0) | A00; A01 | 20 |
| 17 | 7520118\_SB | Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (LK với ĐH SUNY Binghamton) (2+2) | A00; A01; D01 | 10 |
| 18 | 7520207\_SB | Kỹ thuật điện tử (LK với ĐH SUNY Binghamton) (2+2) | A00; A01; B00; D01 | 10 |
| 19 | 7520207\_WE | Kỹ thuật điện tử - viễn thông (LK với ĐH West of England) (2+2) | A00; A01; B00; D01 | 10 |
| 20 | 7580201\_DK | Kỹ thuật Xây dựng (LK với ĐH Deakin) (2+2) | A00; A01; D07 | 10 |

Trường ĐHQT cũng dự kiến sử dụng 07 phương thức tuyển sinh khác nhau:

**Phương thức 1: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2024**

- Chỉ tiêu: 50% - 70%

- Mã phương thức: 100

**-** Đối tượng xét tuyển: Thí sinh tốt nghiệp THPT và hoàn thành kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2024.

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Xét tổng điểm của 03 môn thi trong kỳ thi tốt nghiệp THPT 2024 theo tổ hợp xét tuyển do thí sinh đăng ký. Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh thì điểm môn tiếng Anh sẽ nhân hệ số 2.

+ Đối với thí sinh đăng ký tổ hợp xét tuyển có môn Tiếng Anh, nếu thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS Academic hoặc TOEFL iBT thì được quy đổi điểm trung bình môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chứng chỉ IELTS Academic** | **Chứng chỉ TOEFL iBT** | **Điểm quy đổi** |
| ≥ 6.0 | 60 – 78 | 10 |
| 5.5 | 46 – 59 | 8,5 |
| 5.0 | 35 – 45 | 7,5 |
| ≤ 4.5 | - | Không quy đổi |

**Phương thức 2:****Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT)**

- Chỉ tiêu: 1%

- Mã phương thức: 301.

- Thực hiện theo kế hoạch, quy định và hướng dẫn năm 2024 của Bộ GD&ĐT (sẽ có thông báo riêng).

**Phương thức 3: Ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi, tài năng của trường THPT theo quy định của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) năm 2024**

- Chỉ tiêu: 1%

- Mã phương thức: 303

- Đối tượng xét tuyển:

 + Thí sinh giỏi, tài năng trong học tập của các trường THPT; thí sinh giỏi năng khiếu trong các cuộc thi thể thao, nghệ thuật.

 + Áp dụng cho các trường THPT bao gồm trường Tiểu học-THCS-THPT, trường THCS-THPT và trường THPT, không bao gồm các trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Nguyên tắc: Thí sinh được Hiệu trưởng/Ban Giám hiệu trường THPT giới thiệu là học sinh giỏi, tài năng của trường đảm bảo các tiêu chí sau:

+ Tiêu chí chính:

∙ Học lực Giỏi và hạnh kiểm Tốt trong 03 năm THPT.

∙ Điểm trung bình cộng học lực 03 năm THPT thuộc nhóm 05 học sinh cao nhất trường.

+ Tiêu chí kết hợp:

∙ Giấy chứng nhận hoặc giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố giải Nhất, Nhì, Ba (chọn giải thưởng cao nhất đạt được ở THPT).

. Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.

∙ Giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích học tập, năng khiếu trong các cuộc thi thể dục thể thao, nghệ thuật và rèn luyện trong quá trình học THPT.

 . Hội đồng tuyển sinh xem xét bổ sung thêm tiêu chí phù hợp trong quá trình xét tuyển.

**Phương thức 4: Ưu tiên xét tuyển học sinh giỏi theo quy định của ĐHQG-HCM năm 2024**

- Chỉ tiêu: 5% - 15%

- Mã phương thức: 302

- Đối tượng xét tuyển: Học sinh giỏi tốt nghiệp THPT 2024 của các trường trong danh sách do ĐHQG-HCM công bố *(danh sách sẽ thông báo sau).*

- Điều kiện đăng ký xét tuyển:

+ Tốt nghiệp THPT năm 2024.

+ Đạt danh hiệu học sinh giỏi trong 3 năm học lớp 10, lớp 11 và lớp 12; hoặc là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.

+ Có hạnh kiểm tốt trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Xét điểm trung bình 3 năm học THPT (lớp 10, lớp 11 và lớp 12) của tổ hợp xét tuyển do thí sinh đăng ký. Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh thì điểm môn tiếng Anh sẽ nhân hệ số 2.

+ Thí sinh được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng vào các ngành của trường Đại học Quốc tế. Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

+ Đối với thí sinh đăng ký tổ hợp xét tuyển có môn Tiếng Anh, nếu thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS Academic hoặc TOEFL iBT thì được quy đổi điểm trung bình môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chứng chỉ IELTS Academic** | **Chứng chỉ TOEFL iBT** | **Điểm quy đổi** |
| ≥ 6.0 | 60 – 78 | 10 |
| 5.5 | 46 – 59 | 8,5 |
| 5.0 | 35 – 45 | 7,5 |
| ≤ 4.5 | - | Không quy đổi |

+ Trường hợp nhiều thí sinh có cùng mức điểm xét tuyển, trường sẽ xét tiêu chí phụ là điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế IELTS (≥ 6.0) hoặc TOEFL iBT (60 – 78) của thí sinh.

**Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá Năng lực (ĐGNL) do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024**

- Chỉ tiêu: 10% - 45%.

- Mã phương thức: 401

- Đối tượng xét tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có tham dự kỳ thi ĐGNL do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024.

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Xét theo kết quả kỳ thi ĐGNL từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu từng ngành.

+ Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

**Phương thức 6: Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài hoặc thí sinh tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ quốc tế**

- Chỉ tiêu: 5% - 10%.

- Mã phương thức: 500

- Đối tượng xét tuyển:

(1) Thí sinh, là người nước ngoài hoặc người Việt Nam, đã tốt nghiệp THPT do nước ngoài cấp bằng tại Việt Nam hoặc tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài theo danh mục tại *Phụ lục* (các trường THPT không liệt kê tại *Phụ lục* sẽ được Hội đồng tuyển sinh xem xét và phê duyệt theo từng trường hợp).

(2) Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ quốc tế: SAT – Scholastic Assessment Test; ACT – American College Testing; IB – International Baccalaureate; A-Level – Cambridge International Examinations A-Level; ATAR – Australian Tertiary Admission Rank, ….

- Nguyên tắc xét tuyển:

*+ Xét tuyển chương trình trong nước:*

. Đối với thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển (1): Điểm trung bình học tập (GPA) của 03 năm học từ loại Khá trở lên.

. Đối với thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển (2): Điểm tối thiểu được quy định như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chứng chỉ quốc tế** | **Điểm tối thiểu** | **Thang điểm** |
| SAT – Scholastic Assessment Test | 500 mỗi phần thi | 1.600 |
| ACT – American College Testing | 19 | 36 |
| IB – International Baccalaureate | 26 | 42 |
| A-Level – Cambridge International Examinations A-Level | B-A\* | E-A\* |
| ATAR – Australian Tertiary Admission Rank | 75 | 99.95 |

*(Các chứng chỉ quốc tế khác chưa được thể hiện trong bảng trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xem xét và phê duyệt theo từng trường hợp).*

*+ Xét tuyển chương trình liên kết:* phỏng vấn đối tượng xét tuyển phù hợp.

**Phương thức 7: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT (phương thức này chỉ áp dụng cho các chương trình liên kết đào tạo với đối tác nước ngoài)**

- Chỉ tiêu: 15% chỉ tiêu các ngành thuộc chương trình liên kết.

- Mã phương thức: 200

- Đối tượng xét tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT năm 2022, 2023 và dự kiến tốt nghiệp THPT năm 2024.

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Điểm xét tuyển = Tổng điểm trung bình của 03 môn của 03 năm học THPT theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển + Điểm ưu tiên (nếu có). Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh thì điểm môn tiếng Anh sẽ nhân hệ số 2.

+ Trường hợp nhiều thí sinh có cùng mức điểm xét tuyển, trường sẽ xét tiêu chí phụ là điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế IELTS (≥ 6.0) hoặc TOEFL iBT (60- 78) của thí sinh.

+ Mỗi thí sinh được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng xét tuyển. Thí sinh chỉ trúng tuyển 01 nguyện vọng cao nhất.

+ Đối với thí sinh đăng ký tổ hợp xét tuyển có môn Tiếng Anh, nếu thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS Academic hoặc TOEFL iBT thì được quy đổi điểm trung bình môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chứng chỉ IELTS Academic** | **Chứng chỉ TOEFL iBT** | **Điểm quy đổi** |
| ≥ 6.0 | 60 – 78 | 10 |
| 5.5 | 46 – 59 | 8,5 |
| 5.0 | 35 – 45 | 7,5 |
| ≤ 4.5 | - | Không quy đổi |

……..

*Được thành lập vào tháng 12 năm 2003, trường ĐHQT là trường đại học công lập đầu tiên sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính trong việc đào tạo giảng dạy và nghiên cứu. Trường ĐHQT có hơn 8.800 sinh viên và gần 600 học viên, nghiên cứu sinh Sau đại học. Trường hiện có 23 chương trình đào tạo bậc Đại học, 12 chương trình bậc Thạc sĩ và 05 chương trình bậc Tiến sĩ. Sau 20 năm hình thành và phát triển, trường ĐHQT đã trở thành một trong những trường đại học công lập có uy tín trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam với 14 chương trình đào tạo đạt chuẩn đánh giá của Mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á (AUN-QA), 02 chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định ABET (Accreditation Board for Engineering and Technology - Tổ chức Kiểm định các chương trình Đào tạo Kỹ thuật – Công nghệ Hoa Kỳ), và 04 chương trình kiểm định ASIIN. Trường ĐHQT là cơ sở giáo dục đạt chất lượng kiểm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET - 2016). Đặc biệt, năm 2018, trường ĐHQT là trường đại học thứ 7 đạt chuẩn đánh giá cấp cơ sở giáo dục của AUN-QA (trong tổng số hơn 7000 trường đại học của khu vực Đông Nam Á.)*

*..........*

**Mọi thông tin xin liên hệ:**

Cô Bích Ngọc

Email: ntbngoc@hcmiu.edu.vn

Tel: (84-28) 37244270 – Ext: 3999

Mobile: 0982.758598